

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
*Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***

Bản án số: 436 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/12/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN- TP HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lý Thị Tường Nga

Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Kim Phương và ông Bùi Văn Bình

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thu Hà - Cán bộ Toà án nhân dân quận Long Biên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở TAND quận Long Biên, phường Giang Biên, Q. Long Biên, TP Hà Nội. Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 343/HNGĐ ngày 15/10/2021 về việc “***Tranh chấp ly hôn***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐXX ngày 06/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị HTKL, sinh năm 1976

Bị đơn: Anh NTT, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: số 30B, ngõ 370, ngách 28/5 N, phường Đ, quận L, TP Hà Nội
(*Chị L, anh T đều có đơn xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án nguyên đơn là chị HTK L trình bày:**

- **Về tình cảm:** Chị HTKL và anh NTT kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Gia Lâm, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội ngày 24/01/1996 (nay là UBND phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, TP Hà Nội). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do mỗi người một tính cách, quan điểm sống không hợp. Anh T mãi chơi lô đề dẫn đến phá tán tài sản, không

chăm lo gia đình và vợ con. Mâu thuẫn đã kéo dài và đến nay chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hòa giải hàn gắn được. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Chị L xác định không còn tình cảm, xin được ly hôn với anh NTT.

- **Về con chung:** Anh chị có 02 con chung là:

NTT, sinh ngày 16/7/1996

NKL, sinh ngày 21/02/2003

Hiện các cháu đã trưởng thành, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn là anh NTT** có lời khai thể hiện quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội (nay là UBND phường N, quận Long Biên, TP Hà Nội). Quá trình chung sống, anh chị có quan điểm khác nhau. Nay chị HTKL xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm muốn hàn gắn gia đình. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là

NTT, sinh ngày 16/7/1996

NKL, sinh ngày 21/02/2003

Hiện các cháu đã trưởng thành, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà phát biểu:** Toà án thụ lý vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28; Điều 220; Điều 266; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về án phí lệ phí Tòa án,.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị HTKL. Cho chị HTKL được ly hôn với anh NTT.

+ Con chung: Anh chị có 02 con chung:

NTT, sinh ngày 16/7/1996

NKL, sinh ngày 21/02/2003

Hiện hai cháu đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

+ Tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

+ Án phí: Theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị HTKL xin ly hôn anh NTT, có cùng địa chỉ: địa chỉ: số 30B, ngõ 370, ngách 28/5 N, phường Đ, quận L, TP Hà Nội. Toà án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định tại Chương X của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị HTKL và anh NTT

kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện G, TP Hà Nội (nay là UBND phường N, quận L, TP Hà Nội). Quá trình chung sống, anh chị có nhiều bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị L xác định không còn tình cảm, không thể hàn gắn được quan hệ vợ chồng nên xin ly hôn, anh NTT xác nhận vợ chồng có khác biệt trong quan điểm sống, không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm nhưng không có phương án gì để hàn gắn tình cảm, không tham gia các buổi làm việc, hòa giải tại Tòa án nên không hòa giải được. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung giữa chị L và anh T không có hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn ly hôn của chị HTKL là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

*** Về con chung:** Anh chị có 02 con chung là:

NTT, sinh ngày 16/7/1996

NKL, sinh ngày 21/02/2003

Các con chung của anh chị đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

***Về tài sản chung và nợ chung:** Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*** Về án phí:** Chị HTKL phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ /UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị HTKL. Chị HTKL được ly hôn với anh NTT.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là:

NTT, sinh ngày 16/7/1996

NKL, sinh ngày 21/02/2003

Hai cháu đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nhà ở và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị HTKL phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0064737 ngày 15/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND quận Long Biên
- Chi cục THADS quận Long Biên
- UBND phường Ngọc Lâm
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thị Tường Nga